



Trung bình

## BOTANIC S1P MID

BOTANICS1P

Giày bu#c d#y n# hi#n đ#i v#i ph#n trên b#ng da và d#t

Những vật liệu cao cấp hơn	Da lộn, Dệt chống thấm nước
lớp lót bên trong	Lưới thép
giường đế chân	đế xốp SJ
đế giữa	Thép
đế ngoài	PU / PU
Đứng đầu	Thép
Loại	S1P / SR, LG, chống tĩnh điện, CI, FO
Phạm vi kích thước	EU 35-43
trọng lượng thép	0.540 kg
tiêu chuẩn hóa	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



813



### Tay n#m b#c thang (LG)

Đường viền được xác định đặc biệt trong khu vực trục của giày an toàn để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.



### Ch#ng d#u & nhiên li#u

Đế ngoài có khả năng chống dầu và nhiên liệu.



### đ# ngoài không đánh d#u

Đế ngoài không đánh dấu không để lại vết màu trên mặt đất.



### Ch#ng tr#n tr#t (SR)

Thay thế thuật ngữ đã sử dụng trước đây SRA+SRB=SRC. SR có nghĩa là phép thử trượt được thực hiện trên gạch bị dính xà phòng và dầu.



### đ# gi#a b#ng thép

Đế giữa bằng thép chống đâm thủng được làm bằng thép không gỉ hoặc thép phủ và ngăn các vật sắc nhọn xâm nhập từ đế ngoài.



### mũi thép

Giá đỡ bằng kim loại chắc chắn để bảo vệ chân người đeo khỏi các vật thể lăn hoặc rơi.

## Công nghiệp:

Biên tập, lĩnh vực ô tô, Thực phẩm & Đồ uống, Xây dựng, hậu cần

## Môi trường:

môi trường khô, Bề mặt cực mịn, bề mặt không bằng phẳng

## Các hướng dẫn bảo trì:

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

S# miêu tả	Đơn vị đo lường	Kết quả	EN ISO 20345
<b>Nhúng vệt liêu cao</b>	<b>Da lộn, Dệt chần thêu nỉ</b>		
<b>Cấp độ</b>			
Top: khả năng thấm hơi nước	mg/cm/giờ	3.3	? 0.8
Top: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	27.3	? 15
<b>Lớp lót bên trong</b>	<b>Lớp thép</b>		
Lớp lót: thấm hơi nước	mg/cm/giờ	49.8	? 2
Lót: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	398.8	? 20
<b>Giày chống tĩnh điện</b>	<b>Chỉ số SJ</b>		
Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	chu kỳ	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	25600/12800
<b>Chỉ số ngoài</b>	<b>PU / PU</b>		
Chống mài mòn đế ngoài (giảm thể tích)	mm	135.4	? 150
Chống trượt cơ bản - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía trước	ma sát	0.39	? 0.31
Chống trơn trượt cơ bản - Gôm + NaLS - Trượt lùi về phía trước	ma sát	0.38	? 0.36
Chống trơn trượt SR - Gôm + Glycerin - Trượt gót phía trước	ma sát	0.26	? 0.19
Chống trượt SR - Gôm + Glycerin - Trượt ngược về phía trước	ma sát	0.29	? 0.22
Giá trị chống tĩnh điện	megaohm	200	0.1 - 1000
Giá trị ESD	megaohm	21.2	0.1 - 100
Hấp thụ năng lượng của gót chân	J	25	? 20
<b>Chỉ số mũi</b>	<b>Thép</b>		
Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 100J)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 200J)	mm	15.5	? 14
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN)	mm	19.5	? 14

Kích thước thép: 38

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.